

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

MỤC LỤC	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 22

35
Ô
T
A
B
/H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Vốn điều lệ	19.110.118.355 đồng
Vốn chủ sở hữu đến thời điểm 31/12/2022	18.839.897.637 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Điện thoại: +84 (269) 3835364
Mã số thuế: 5 9 0 0 1 8 7 8 5 7

Chủ tịch, Ban giám đốc, Kiểm soát viên và Kế toán trưởng của Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm có:

- Ông Từ Tấn Lộc	Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Ông Võ Đình Chung	Phó Giám đốc Hết nhiệm kỳ ngày 05/01/2023
- Ông Trần Quốc Trung	Kế toán trưởng

Ngành nghề kinh doanh

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc kỳ báo cáo đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban Giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

Số.033/2023/BCKiTTT-TBD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày cụ thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên lâm nghiệp Kông Chro tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

(*) Năm 2022, Công ty ghi nhận 02 nguồn kinh phí sự nghiệp: Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng và nguồn kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng nhận được là số tiền cấp bù của các năm trước (đã quyết toán) là 1.885.864.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 3.795.380.000 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2022, số đã quyết toán chờ ngân sách cấp bù là 2.360.151.309 đồng, số chờ quyết toán là 3.795.380.000 đồng, số không được quyết toán của năm 2021 là 50.558.472 đồng.

- Nguồn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg nhận được là số tiền cấp của năm 2022 là 56.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 63.653.040 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2022, số chờ quyết toán là 63.653.040 đồng. Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày đầu năm là âm 4.246.015.309 đồng, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày cuối năm là âm 6.112.625.877 đồng.

Tính hợp lý của các khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

Vấn đề khác

- Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 007/2023/BCKITTC-TBD ký ngày 15 tháng 02 năm 2023. Trong đó, điều chỉnh giảm số tiền thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp số tiền 12.976.397 đồng theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2022.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên



PHAN THỊ TÓ TRINH

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2537-2019-196-1

NGUYỄN THỊ BÍCH THỦY

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1725-2023-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2022	TẠI NGÀY 01/01/2022
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.295.496.222	8.674.845.567
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		484.963.114	93.637.347
1. Tiền	111	V.01	484.963.114	93.637.347
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.000.000.000	7.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	4.000.000.000	7.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		734.328.513	1.487.702.328
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	590.857.646	1.320.109.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	29.597.681	84.266.914
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	113.873.186	83.326.311
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.204.595	93.505.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	24.811.746	54.589.522
2. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.11a	51.392.849	38.916.370
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.864.551.578	13.849.954.795
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		172.494.900	172.494.900
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	172.494.900	172.494.900
II. Tài sản cố định	220		21.326.250	26.441.250
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	21.326.250	26.441.250
Nguyên giá	222		1.461.639.921	1.461.639.921
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.440.313.671)	(1.435.198.671)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.476.698.428	13.363.570.645
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.08	14.476.698.428	13.363.570.645
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		194.032.000	287.448.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	194.032.000	287.448.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		20.160.047.800	22.524.800.362

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2022	TẠI NGÀY 01/01/2022
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		7.074.753.928	7.577.504.163
I. Nợ ngắn hạn	310		5.389.330.978	5.739.396.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	2.787.860.184	2.900.037.184
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10a	-	67.108.739
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	136.981.922	815.688.548
4. Phải trả người lao động	314	V.12	379.791.865	267.192.161
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.101.876.871	1.045.605.330
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	982.820.136	643.764.251
II. Nợ dài hạn	330		1.685.422.950	1.838.107.950
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.10b	140.308.000	140.308.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	1.545.114.950	1.697.799.950
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		13.085.293.872	14.947.296.199
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	19.197.919.749	19.193.311.508
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.839.897.637	18.923.090.790
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	358.022.112	270.220.718
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(6.112.625.877)	(4.246.015.309)
1. Nguồn kinh phí	431	V.17	(6.112.625.877)	(4.246.015.309)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		20.160.047.800	22.524.800.362

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu

Trần Quốc Trung
Kế toán trưởng

Từ Tấn Lộc
Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2022	NĂM 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	3.896.605.106	6.742.295.271
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.896.605.106	6.742.295.271
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.451.877.166	4.922.690.561
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.444.727.940	1.819.604.710
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	271.752.985	256.247.412
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	2.072.426.208	1.493.711.560
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		644.054.717	582.140.562
11. Thu nhập khác	31	VI.05	152.685.000	616.213.500
12. Chi phí khác	32	VI.06	6.951.360	7.339.028
13. Lợi nhuận khác	40		145.733.640	608.874.472
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		789.788.357	1.191.015.034
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	159.347.943	290.279.307
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		630.440.414	900.735.727

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023



Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu



Trần Quốc Trung
Kế toán trưởng



Từ Tấn Lộc
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(Phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.125.862.063	4.327.415.089
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.589.257.518)	(7.829.358.497)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.793.144.097)	(2.468.395.670)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(383.140.241)	(51.001.321)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.577.759.630	3.201.441.558
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.795.941.635)	(5.305.906.048)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(2.857.861.798)	(8.125.804.889)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(30.690.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		109.344.400	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.000.000.000)	(8.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		6.000.000.000	13.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cô tức và lợi nhuận được chia	27		223.036.318	256.247.412
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.332.380.718	5.225.557.412
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp đã phát hành	32		(83.193.153)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(83.193.153)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		391.325.767	(2.900.247.477)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		93.637.347	2.993.884.824
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		484.963.114	93.637.347

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023

Trần Trọng Quỳnh Uyên
Người lập biểu

Trần Quốc Trung
Kế toán trưởng

Từ Tấn Lộc
Giám đốc



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Kông Chro được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 5900187857 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 22 tháng 04 năm 2021.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH MTV

- Vốn điều lệ: 19.110.118.355 VND

- Vốn thực góp: 18.839.897.637 VND

Trụ sở đặt tại: 77 Lê Lai, TT Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lâm nghiệp

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và phát triển vốn rừng;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Kinh doanh vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) các mặt hàng nông sản và dịch vụ sản xuất nông, lâm nghiệp;
- Xây dựng, tư vấn và chuyển giao các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp;
- Tư vấn thiết kế về khai thác gỗ rừng trồng, gỗ rừng tự nhiên, các công trình lâm sinh;
- Khai thác, chế biến và tiêu thụ nông lâm sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty trên 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng cán bộ và nhân viên bình quân trong năm là 35 người.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị không có Công ty con, liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Thực tế đích danh

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

5. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

6. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2022	01/01/2022
- Tiền mặt tại quỹ	44.632.106	769.644
Tiền mặt tại quỹ VND	44.632.106	769.644
- Tiền gửi ngân hàng VND	440.331.008	92.867.703
NH NN & PT Nông thôn Việt Nam - CN Kông Chro	27.995.501	3.741.718
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kông Chro	379.954.785	56.373.924
NH TMCP Á Châu (ACB)	32.380.722	32.752.061
Tổng cộng	484.963.114	93.637.347
2. Các khoản đầu tư tài chính	31/12/2022	01/01/2022
Tiền gửi có kỳ hạn VND (*)		
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kông Chro	4.000.000.000	7.000.000.000
Tổng cộng	4.000.000.000	7.000.000.000

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

		31/12/2022	01/01/2022				
3. Phải thu khách hàng							
a. Ngắn hạn							
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai		590.857.646	399.037.683				
- Cty TNHH SX Lâm nghiệp Hưng Thịnh		-	914.400.000				
- Công ty XNK (Đà Nẵng) Thủy		-	6.671.420				
Tổng cộng		590.857.646	1.320.109.103				
		31/12/2022	01/01/2022				
4. Trả trước cho người bán							
a. Ngắn hạn							
- Từ Tấn Lộc		-	54.669.233				
- Xí nghiệp tư nhân Hưng Thịnh (a)		29.597.681	29.597.681				
Tổng cộng		29.597.681	84.266.914				
(a) Là khoản công nợ trả trước người bán ngắn hạn số tiền là 29.597.681 đồng, Công ty chưa nhận được thư xác nhận.							
		31/12/2022	01/01/2022				
5. Các khoản phải thu khác							
		Giá trị	Dự phòng			Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn							
- Tiền lãi dự thu ngân hàng		48.716.667	-			-	-
- Tạm ứng		62.133.570	-			80.133.570	-
- Phải thu khác		3.022.949	-			3.192.741	-
Tổng cộng		113.873.186	-			83.326.311	-
b. Dài hạn							
- Phải thu về đầu tư liên kết trồng rừng (b)		172.494.900	-			172.494.900	-
Tổng cộng		172.494.900	-			172.494.900	-
(b) Chi tiết số dư khoản phải thu dài hạn như sau:							
+ Chi phí đầu tư cho các hộ dân về các hợp đồng liên kết trồng rừng						172.494.900	
Cộng						172.494.900	
		31/12/2022	Tăng	Giảm	01/01/2022		
a. Ngắn hạn							
Công cụ, dụng cụ phân bổ		24.811.746	17.871.000	47.648.776	54.589.522		
Tổng cộng		24.811.746	17.871.000	47.648.776	54.589.522		
b. Dài hạn							
Chi phí PA rừng bền vững		194.032.000	-	93.416.000	287.448.000		
Tổng cộng		194.032.000	-	93.416.000	287.448.000		

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP KÔNG CHRO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
Nguyên giá					
- Số dư đầu năm	628.436.894	712.513.027	120.690.000	1.461.639.921	
- Mua trong năm			-	-	
Số dư cuối kỳ	628.436.894	712.513.027	120.690.000	1.461.639.921	
Khấu hao lũy kế					
- Số dư đầu năm	628.436.894	712.513.027	94.248.750	1.435.198.671	
- Khấu hao trong kỳ			5.115.000	5.115.000	
Số dư cuối kỳ	628.436.894	712.513.027	99.363.750	1.440.313.671	
Giá trị còn lại					
- Số dư đầu năm	-	-	26.441.250	26.441.250	
- Số dư cuối kỳ	-	-	21.326.250	21.326.250	
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn được sử dụng bao gồm:					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng	
Tại ngày 31/12/2022	628.436.894	712.513.027	90.000.000	1.430.949.921	



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

8. Tài sản dở dang dài hạn

a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí trồng rừng:				
- Rừng 2014	-	-	572.485.465	572.485.465
- Rừng 2015 công ty 1205ha	-	-	357.929.781	357.929.781
- Rừng trồng liên kết Hà Thanh 238.2ha 2015	62.058.150	62.058.150	-	-
- Rừng 2015 hợp tác cty	158.850.000	158.850.000	158.850.000	158.850.000
- Rừng 2016 trồng liên kết Hà Thanh 300.8ha	348.525.234	348.525.234	326.962.234	326.962.234
- Rừng HTNLD 8ha	68.662.500	68.662.500	68.662.500	68.662.500
- Rừng 2016 trồng mới 38,5ha	1.347.072.416	1.347.072.416	1.347.072.416	1.347.072.416
- Rừng 2017 44,89ha HTNLD	-	-	134.670.000	134.670.000
- Rừng 2017 Kong Yang	264.478.880	264.478.880	236.208.000	236.208.000
- Rừng 2017 CTy 15.23ha	384.436.588	384.436.588	384.436.588	384.436.588
- Rừng 2018 4,6ha	118.745.685	118.745.685	118.745.685	118.745.685
- Rừng 2019 98.78ha	2.738.474.216	2.738.474.216	2.634.794.216	2.634.794.216
- Rừng 2019 62ha	141.662.000	141.662.000	114.712.000	114.712.000
- Lịch, Hoàng, Sen HT công ty	169.425.000	169.425.000	169.425.000	169.425.000
- Rừng 2020 CTy 35.5 ha	991.198.760	991.198.760	824.348.760	824.348.760
- Rừng 2020 hợp tác hộ dân 304.37ha	1.857.850.000	1.857.850.000	1.474.750.000	1.474.750.000
- Rừng 2021 hợp tác hộ dân	672.901.000	672.901.000	401.796.000	401.796.000
- Rừng công ty 156.63ha	4.121.864.000	4.121.864.000	3.378.828.000	3.378.828.000
- Rừng xen canh gỗ lớn 22.34	770.594.000	770.594.000	658.894.000	658.894.000
- Rừng 2022 hợp tác hộ dân	259.900.000	259.900.000	-	-
Tổng cộng	14.476.698.428	14.476.698.428	13.363.570.645	13.363.570.645

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. Phải trả người bán

a. Ngắn hạn	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các hộ dân chăm sóc rừng				
- Cao Xuân Quốc	384.651.797	384.651.797	384.651.797	384.651.797
- Đinh Đót, Sơn	366.020.342	366.020.342	366.020.342	366.020.342
- Đào Văn lịch	125.362.717	125.362.717	125.362.717	125.362.717
- Sơn, Tuấn, Quốc	267.847.901	267.847.901	267.847.901	267.847.901
- Lê Kim Sơn	648.310.000	648.310.000	760.487.000	760.487.000
- Công ty TNHH TV Lâm nghiệp Nguyễn Lân	176.080.000	176.080.000	176.080.000	176.080.000
- Lê Văn Trung	71.910.508	71.910.508	71.910.508	71.910.508
- Phạm Văn Tài	45.415.813	45.415.813	45.415.813	45.415.813
- Võ Đình Chung	37.698.038	37.698.038	37.698.038	37.698.038
- Sơn, Tâm, Quốc	301.367.517	301.367.517	301.367.517	301.367.517
- Đinh Hươu, Lê Kim Sơn	264.380.651	264.380.651	264.380.651	264.380.651
- Lê Đức Vũ	98.814.900	98.814.900	98.814.900	98.814.900
Tổng cộng	2.787.860.184	2.787.860.184	2.900.037.184	2.900.037.184

10. Người mua trả tiền trước

a. Ngắn hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Công ty TNHH 30-4 Gia Lai	-	67.108.739
Tổng cộng	-	67.108.739
b. Dài hạn	31/12/2022	01/01/2022
- Hộ gia đình Phan Đoàn Trần Hòa	39.600.000	39.600.000
- Hộ gia đình Trương Thị Thu Hiền	27.324.000	27.324.000
- Hộ gia đình Phan Trần Hiền	26.400.000	26.400.000
- Các đối tượng khác	46.984.000	46.984.000
Tổng cộng	140.308.000	140.308.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	(6.000.000)	-	-	(6.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	286.217.420	159.347.943	383.140.241	62.425.122
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	12.476.479	(12.476.479)
Thuế tài nguyên	(32.916.370)	-	-	(32.916.370)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	101.903.695	101.903.695	-
Lệ phí môn bài		3.000.000	3.000.000	
Các loại thuế khác	529.471.128	74.556.800	529.471.128	74.556.800
Tổng cộng	776.772.178	338.808.438	1.029.991.543	85.589.073

a. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	31/12/2022	01/01/2022
Thuế giá trị gia tăng	6.000.000	6.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	12.476.479	-
Thuế tài nguyên	32.916.370	32.916.370
Tổng cộng	51.392.849	38.916.370

b. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	31/12/2022	01/01/2022
Thuế thu nhập doanh nghiệp	62.425.122	286.217.420
Các loại thuế khác	74.556.800	529.471.128
Tổng cộng	136.981.922	815.688.548

12. Phải trả công nhân viên

	31/12/2022	01/01/2022
- Phải trả công nhân viên	379.791.865	267.192.161
Tổng cộng	379.791.865	267.192.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

13. Phải trả khác	31/12/2022	01/01/2022
<i>a. Ngắn hạn</i>		
- Kinh phí công đoàn	18.199	-
- Bảo hiểm xã hội	18.222.984	14.674.730
- Bảo hiểm y tế	3.942.900	3.221.018
- Bảo hiểm thất nghiệp	2.149.896	1.851.205
- Thu tiền hộ dân QĐ 38	109.344.400	-
- Chênh lệch khoản ngân sách đầu tư trồng rừng 2014-2015	949.197.641	949.197.641
- K/c Lợi nhuận sau thuế TNDN 2021 nộp về CSH	-	70.636.282
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.000.851	6.024.454
Tổng cộng	1.101.876.871	1.045.605.330
<i>b. Dài hạn</i>	31/12/2022	01/01/2022
- Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH (c)	1.545.114.950	1.697.799.950
Tổng cộng	1.545.114.950	1.697.799.950
<i>Chi tiết số dư khoản Hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH như sau:</i>	31/12/2022	01/01/2022
Số phải nộp về Quỹ Bảo vệ và rừng Gia Lai (cv số 698 ngày 19/3/2021)	1.195.674.950	1.195.674.950
Phần còn lại chưa k/c thu nhập của rừng 2014	349.440.000	502.125.000
Cộng	1.545.114.950	1.697.799.950

(c) Là khoản tiền được hỗ trợ trồng rừng của dự án FLITCH. Căn cứ công văn số 698/SNNPTNT-TTr của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Gia Lai ngày 19/03/2021 về việc thông báo đến các đơn vị là chủ rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai nộp trả lại giá trị sản phẩm sau khai thác. Theo đó, số tiền Công ty phải nộp về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Gia Lai là 1.767.531.500 đồng, ngày 11/06/2021 đã nộp 571.856.550, số còn phải nộp là 1.195.674.950 đồng. Đến thời điểm chốt số liệu lập báo cáo tài chính này, toàn bộ diện tích rừng được tài trợ của dự án FLitch đã được khai thác hết, tuy nhiên Công ty chưa ghi nhận số tiền chênh lệch được hưởng vào thu nhập của Công ty với số tiền 349.440.000 đồng. Công ty đang chờ hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai về số tiền phải nộp về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng nêu trên, qua đó xác định lại phần thu nhập được hưởng của Công ty, để Công ty có cơ sở ghi nhận đầy đủ và chính xác.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	31/12/2022	Tăng	Giảm	01/01/2022
Quỹ khen thưởng	619.121.482	359.183.412	164.500.000	424.438.070
Quỹ phúc lợi	363.698.654	183.455.608	39.083.135	219.326.181
Tổng cộng	982.820.136	542.639.020	203.583.135	643.764.251

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2021	18.923.090.790	-	-	18.923.090.790
- Lãi trong năm	-	-	900.735.727	900.735.727
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	270.220.718	(270.220.718)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(559.878.727)	(559.878.727)
- Lợi nhuận còn lại phải nộp về chủ sở hữu	-	-	(70.636.282)	(70.636.282)
Số dư tại 31/12/2021	18.923.090.790	270.220.718	0	19.193.311.508
- Lãi trong năm	-	-	630.440.414	630.440.414
- Nộp lại ngân sách về chênh lệch vốn điều lệ	(83.193.153)	-	-	(83.193.153)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	87.801.394	(87.801.394)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(542.639.020)	(542.639.020)
Số dư tại 31/12/2022	18.839.897.637	358.022.112	0	19.197.919.749

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

	31/12/2022	01/01/2022
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn đầu tư của nhà nước (UBND tỉnh Gia Lai)	18.839.897.637	18.923.090.790
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2022	Năm 2021
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.923.090.790	18.923.090.790
Giảm trong năm	(83.193.153)	-
- Vốn góp cuối năm	18.839.897.637	18.923.090.790
16. Quỹ đầu tư phát triển	Năm 2022	Năm 2021
- Số dư đầu năm	270.220.718	-
Tăng từ trích LNST	87.801.394	270.220.718
- Số dư cuối năm	358.022.112	270.220.718
17. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
a. Nguồn kinh phí (*)	Năm 2022	Năm 2021
- Số dư đầu năm	(4.246.015.309)	(1.480.504.625)
- Tăng trong năm	1.941.864.000	733.686.280
Nguồn kinh phí QĐ 2242 cấp bù	1.885.864.000	2.544.280.000
Nguồn kinh phí được cấp theo QĐ 42	56.000.000	
Hoàn trả trong năm	-	(1.810.593.720)
- Giảm trong năm	(3.808.474.568)	(3.499.196.964)
Chi sự nghiệp nguồn QĐ 2242	(3.795.380.000)	(3.499.196.964)
Chi sự nghiệp nguồn QĐ 42	(63.653.040)	-
Số không được quyết toán	50.558.472	-
- Số dư cuối năm	(6.112.625.877)	(4.246.015.309)

(*) Năm 2022, Công ty ghi nhận 02 nguồn kinh phí sự nghiệp: Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng và nguồn kinh phí theo Quyết định 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ cho các Công ty lâm nghiệp bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng nhận được là số tiền cấp bù của các năm trước (đã quyết toán) là 1.885.864.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 3.795.380.000 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2022, số đã quyết toán chờ ngân sách cấp bù là 2.360.151.309 đồng, số chờ quyết toán là 3.795.380.000 đồng, số không được quyết toán của năm 2021 là 50.558.472 đồng.

- Nguồn theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg nhận được là số tiền cấp của năm 2022 là 56.000.000 đồng, đồng thời ghi nhận khoản chi là 63.653.040 đồng (chưa quyết toán). Tại ngày 31/12/2022, số chờ quyết toán là 63.653.040 đồng. Số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày đầu năm là âm 4.246.015.309 đồng, số dư nguồn kinh phí sự nghiệp tại ngày cuối năm là âm 6.112.625.877 đồng.

Tính hợp lý của các khoản chi phí này phụ thuộc vào quyết toán chính thức của các cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm 2022	Năm 2021
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.896.605.106	6.742.295.271
trong đó:		
Doanh thu bán gỗ rừng trồng	2.267.960.000	5.564.422.200
Doanh thu dịch vụ môi trường rừng	1.628.645.106	1.177.873.071
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.896.605.106	6.742.295.271
2. Giá vốn hàng bán	Năm 2022	Năm 2021
Giá vốn	1.451.877.166	4.922.690.561
Tổng cộng	1.451.877.166	4.922.690.561
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2022	Năm 2021
Lãi tiền gửi	271.752.985	256.247.412
Tổng cộng	271.752.985	256.247.412
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nhân viên quản lý	328.608.472	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	69.498.851	87.393.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.115.000	4.248.750
Thuế, phí và lệ phí	88.742.095	3.756.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.577.015	116.463.787
Chi phí bằng tiền khác	1.414.884.775	1.281.849.407
Tổng cộng	2.072.426.208	1.493.711.560
5. Thu nhập khác	Năm 2022	Năm 2021
Kinh phí hỗ trợ Dân tộc thiểu số về bảo hiểm xã hội	-	24.000.000
Thu nhập từ HĐ liên danh FLITCH	152.685.000	592.213.500
Tổng cộng	152.685.000	616.213.500
6. Chi phí khác	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí khác	6.951.360	7.339.028
Tổng cộng	6.951.360	7.339.028
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận kế toán trước thuế	789.788.357	1.191.015.034
Cộng các khoản chi phí không được trừ	6.951.360	260.381.503
Thu nhập tính thuế	796.739.717	1.451.396.537
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tiền thuế TNDN	159.347.943	290.279.307
Chi phí thuế TNDN hiện hành	159.347.943	290.279.307

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	934.300.000
Chi phí nhân công, nhân viên	1.689.767.238	4.363.508.999
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ	106.976.719	4.248.750
Chi phí thuế, phí và lệ phí	179.460.495	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.577.015	385.372.486
Chi phí khác bằng tiền	1.382.521.907	1.906.889.453
Tổng cộng	3.524.303.374	7.594.319.688

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan***Các bên liên quan bao gồm:***Bên liên quan**

- Ông Từ Tấn Lộc
- Ông Võ Đình Chung
- Ông Trần Quốc Trung

Mối quan hệ

- Chủ tịch kiêm Giám đốc
- Phó Giám đốc
- Kế toán trưởng

Hết nhiệm kỳ ngày 05/01/2023

Số công nợ phải trả với bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung	31/12/2022	01/01/2022
- Ông Từ Tấn Lộc	Ứng vốn trồng rừng & tạm ứng	-	99.669.233

2. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Thu nhập

Năm 2022	Năm 2021
804.610.900	823.834.250

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh đầu năm 2022 là số liệu báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2022 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023


Trần Trọng Quỳnh Uyên
 Người lập biểu


Trần Quốc Trung
 Kế toán trưởng


Từ Tấn Lộc
 Giám đốc

